

Số: 1625/QĐ-UBND

Đắk Lắk, ngày 27 tháng 6 năm 2019

QUYẾT ĐỊNH

Về việc phê duyệt Báo cáo kinh tế - kỹ thuật công trình: Sửa chữa công trình cấp nước sinh hoạt xã Phú Xuân, huyện Krông Năng

CHỦ TỊCH ỦY BAN NHÂN DÂN TỈNH

Căn cứ Luật Tổ chức chính quyền địa phương ngày 19/6/2015;

Căn cứ Luật Xây dựng ngày 18/6/2014;

Căn cứ Nghị định số 32/2015/NĐ-CP ngày 25/3/2015 của Chính phủ về quản lý chi phí đầu tư xây dựng công trình; Nghị định số 46/2015/NĐ-CP ngày 12/5/2015 của Chính phủ về quản lý chất lượng và bảo trì công trình xây dựng; Nghị định số 59/2015/NĐ-CP ngày 18/6/2015 của Chính phủ về quản lý dự án đầu tư xây dựng công trình;

Căn cứ Thông tư số 18/2016/TT-BXD ngày 30/6/2016 của Bộ Xây dựng quy định chi tiết và hướng dẫn một số nội dung về thẩm định, phê duyệt dự án và thiết kế dự toán xây dựng công trình;

Căn cứ Quyết định số 22/2018/QĐ-UBND, ngày 12/9/2018 của UBND tỉnh ban hành quy định về thẩm quyền trong quản lý dự án đầu tư xây dựng trên địa bàn tỉnh Đắk Lắk; Quyết định số 3369/QĐ-UBND ngày 12/12/2018 của UBND tỉnh về việc giao dự toán thu, chi ngân sách nhà nước năm 2019 cho các cơ quan, đơn vị thuộc ngân sách cấp tỉnh;

Xét đề nghị của Sở Nông nghiệp và Phát triển nông thôn tại Tờ trình số 149/TTr-SNN ngày 17/6/2019,

QUYẾT ĐỊNH:

Điều 1. Phê duyệt Báo cáo kinh tế - kỹ thuật công trình: Sửa chữa công trình cấp nước sinh hoạt xã Phú Xuân, huyện Krông Năng, với các nội dung chủ yếu như sau:

1. Tên công trình: Sửa chữa công trình cấp nước sinh hoạt xã Phú Xuân, huyện Krông Năng.

2. Loại, cấp công trình: Hạ tầng kỹ thuật (Cấp nước sinh hoạt nông thôn); cấp IV.

3. Chủ đầu tư: Trung tâm Nước sạch và Vệ sinh môi trường nông thôn - Sở Nông nghiệp và Phát triển nông thôn.

4. Địa Điểm xây dựng: Xã Phú Xuân, huyện Krông Năng, tỉnh Đắk Lắk.

5. Nhà thầu lập Báo cáo khảo sát xây dựng: Công ty Cổ phần tư vấn đầu tư xây dựng tài nguyên nước SHT.

6. Nhà thầu lập Báo cáo kinh tế - kỹ thuật: Công ty Cổ phần tư vấn đầu tư xây dựng tài nguyên nước SHT.

7. Chủ nhiệm công trình: Kỹ sư Phạm Thị Bình.

8. Mục tiêu, giải pháp thiết kế chủ yếu

a) Mục tiêu

Đầu tư xây dựng bằng biện pháp công trình bổ sung nguồn nước, sửa chữa trụ công và xây ngăn chứa hóa chất riêng, mở rộng mạng lưới đường ống công trình cấp nước sinh hoạt xã Phú Xuân hiện có, cấp nước tăng thêm cho 59 hộ dân thuộc thôn 3 và thôn 11, nâng tổng số hộ dân được cấp nước sinh hoạt của công trình lên 194hộ; đồng thời, bảo đảm công tác quản lý vận hành.

b) Giải pháp thiết kế

- Giếng khoan khai thác: Khoan tăng thêm độ sâu của 01 giếng khoan hiện hữu nhằm để đảm bảo lưu lượng cho công trình, cụ thể:

+ Tháo dỡ ống chống, ống lọc D140 dài 76m của giếng khoan hiện hữu .

+ Khoan tăng thêm độ sâu từ 90m hiện hữu đến 140m. Đường kính giếng khoan theo thứ tự từ trên xuống: Từ (0-:-20m) đường kính D219mm; từ (20m-:-140m) đường kính D152mm.

+ Kết cấu giếng khoan: Chống ống D140mm, dày 4,1mm thứ tự từ trên xuống (0-:-130m) chống ống đặc, từ (130m-:-140m) chống ống lọc; độ sâu từ (0-:-20m) phun VXM Bentonite M50 chống thấm.

+ Máy bơm được thay bằng máy bơm chìm có chiều cao cột nước $H=100m$; lưu lượng $Q=3,6 (m^3/h)$; công suất $N=1,5kW$, độ sâu đặt máy 110m, các vật tư, phụ kiện gồm: kèm theo ống PVC D60, tê, van 1 chiều, van 2 chiều, cáp....

+ Lắp đặt đồng hồ 3 pha và 150m dây 3x6+1x4mm thay thế hệ thống điện 1 pha hiện hữu. Bổ sung 1 trụ điện bằng ống thép D60 cao 6m.

+ Làm mới tủ điện bao gồm hệ thống chống tràn, chống cạn, chống mất pha, tự động...và ổn áp 10KVA.

+ Xây hộp bảo vệ giếng khoan tại miệng giếng lỗ khoan với kích thước (1x1x0,6)m, kết cấu xây bằng gạch thẻ (4x8x19)mm, và miệng giếng có nắp làm bằng thép tấm bảo vệ giếng khoan.

- Tháo dỡ 01 trụ công bị hư hỏng nặng, xây dựng mới 01 trụ công có kích thước như ban đầu, chiều cao trụ 2,5m, tiết diện trụ (0,3x0,3)m.

- Xây dựng mới nhà chứa clo diện tích xây dựng (1,7x2,5) m^2 kết cấu bao gồm: Móng bằng xây bằng đá hộc VXM mác 100; trụ xây gạch thẻ; tường xây gạch ống VXM mác 100, xà gồ thép loại C kích thước (80x40x2)mm lợp tôn bằng tôn sóng dày 0,42mm.

- Mở rộng mạng lưới cấp nước :

+ Vật liệu đường ống: Lắp đặt loại ống nhựa HDPE đồng bộ với mạng đường ống hiện hữu.

+ Tại thôn 11: Đường ống bố trí dọc theo QL 29 phía bên khu xử lý, điểm đầu nối tại hồ van khu xử lý. Các đường ống bao gồm: Ống HDPE D40 chiều dài 271m; ống HDPE D63 chiều dài 708m, 03 vị trí qua đường lồng ống và kích ống thép D60.

+ Tại thôn 3: Đường ống bố trí dọc theo hẻm số 1. Đầu nối đường ống D60 tại ngã ba đầu hẻm; đường ống HDPE D40 chiều dài 485m, 01 vị trí qua đường kích ống thép D60.

9. Giá trị dự toán xây dựng công trình: **890.172.000** đồng (*Bằng chữ: Tám trăm chín mươi triệu một trăm bảy mươi hai ngàn đồng*). Trong đó:

- Chi phí xây dựng	:	692.232.000 đồng
- Chi phí thiết bị	:	54.175.000 đồng
- Chi phí quản lý dự án	:	18.748.000 đồng
- Chi phí tư vấn đầu tư xây dựng	:	95.624.000 đồng
- Chi phí khác	:	29.393.000 đồng

(*Có bảng tổng hợp dự toán chi tiết kèm theo*)

10. Nguồn vốn: Ngân sách tỉnh (Theo Quyết định số 3369/QĐ-UBND ngày 12/12/2018 của UBND tỉnh).

Điều 2. Trung tâm Nước sạch và Vệ sinh môi trường nông thôn – Sở Nông nghiệp và Phát triển nông thôn có trách nhiệm thực hiện việc quản lý đầu tư xây dựng công trình theo đúng quy định của pháp luật. Quá trình thực hiện nếu phát sinh khó khăn vướng mắc kịp thời báo cáo người quyết định đầu tư xem xét giải quyết.

Điều 3. Chánh Văn phòng UBND tỉnh; Giám đốc các Sở: Kế hoạch và Đầu tư, Nông nghiệp và Phát triển nông thôn, Tài chính; Giám đốc Kho bạc Nhà nước tỉnh; Chủ tịch UBND huyện Krông Năng; Giám đốc Trung tâm Nước sạch và Vệ sinh môi trường nông thôn; Thủ trưởng các đơn vị có liên quan chịu trách nhiệm thi hành quyết định này.

Quyết định có hiệu lực kể từ ngày ban hành.

Nơi nhận/

- Như Điều 3;
- CT, các PCT UBND tỉnh;
- Lãnh đạo VP UBND tỉnh;
- Các phòng: TH, KT, NN&MT;
- Lưu: VT, NNMT (Đg-10b).



**KT. CHỦ TỊCH
PHÓ CHỦ TỊCH**

Nguyễn Tuấn Hà

BẢNG TỔNG HỢP DỰ TOÁN XÂY DỰNG CÔNG TRÌNH

Tên công trình: Sửa chữa công trình cấp nước sinh hoạt xã Phú Xuân, huyện Krông Năng
Địa điểm xây dựng: Xã Phú Xuân, huyện Krông Năng, tỉnh Đắk Lắk
 (Kèm theo Quyết định số 1625/QĐ-UBND ngày 27/6/2019 của Ủy ban nhân dân tỉnh)

N	Hàng mục	Cách tính	G.T trước thuế	Thuế GTGT	G.T sau thuế	Ghi chú & Văn bản hướng dẫn
I	CHI PHÍ XÂY DỰNG	XD	629.302.294	62.930.229	692.232.523	
II	CHI PHÍ THIẾT BỊ	TB	49.250.000	4.925.000	54.175.000	
III	CHI PHÍ QUẢN LÝ DỰ ÁN	2,763% x XD	18.748.400		18.748.400	QĐ số 79/QĐ-BXD ngày 15/2/2017
IV	CHI PHÍ TƯ VẤN ĐẦU TƯ XÂY DỰNG		86.930.994	8.693.100	95.624.094	
I	Khảo sát xây dựng (CBĐT)	KS	25.128.182	2.512.818	27.641.000	
2	Lập Báo cáo Kinh tế kỹ thuật : 5,800% x(XD+TB)x1,15		45.259.438	4.525.944	49.785.382	QĐ số 79/QĐ-BXD ngày 15/2/2017
3	Giám sát kỹ thuật thi công	2,566% x XD	16.147.897	1.614.790	17.762.687	QĐ số 79/QĐ-BXD ngày 15/2/2017
4	Giám sát lập đất thiết bị	0,803% x TB	395.478	39.548	435.026	
V	CHI PHÍ KHÁC		27.504.836	1.887.907	29.392.743	
1	Thăm tra, phê duyệt quyết toán	0,950% x TMBT	8.456.634		8.456.634	TT số 09/2016/TT-BTC ngày 18/1/2016
2	Phí tham định BCKTKT	0,019% x TMBT	169.133		169.133	TT số 209/2016/TT-BTC ngày 10/11/2016
3	Chi phí hàng mục chung : HMC		18.879.069	1.887.907	20.766.976	
-	Xây dựng nhà tạm ở & điều hành thi công	1% x XD	6.293.023	629.302	6.922.325	
-	Công việc không xác định được từ TK	2% x XD	12.586.046	1.258.605	13.844.651	
DỰ TOÁN XÂY DỰNG CÔNG TRÌNH					890.172.760	
					890.172.000	